TAND HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 48/2020/HNGĐ- ST
Ngày 27/7/2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa anh T với chị E

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Phượng
2. Ông Từ Minh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Thùy- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 125/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2020 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa anh T với chị E"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2020/QĐXX-ST ngày 29 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trương Văn T, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Bảo L2, xã Bảo X, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. *2. Bị đơn:* Chị Bùi Thị E, sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Y X, xã Bảo X, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trương Văn T trình bày: Năm 2015, anh kết hôn với chị Bùi Thị E. Trước khi kết hôn anh chị có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bảo X, huyện Lục Nam. Sau đám cưới chị E về chung sống cùng anh ngay. Anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì nẩy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xẩy ra cãi nhau. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được gia đình hai bên động viên khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, không thể đoàn tụ gia đình được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị E.

Về con chung: Anh và chị E sinh được 02 con chung là G Bảo, sinh ngày 23/9/2016 và Trương Minh Z, sinh ngày 17/5/2018. Cháu Bảo đang ở với anh,

cháu Z đang ở với chị E. Ly hôn, anh đề nghị được tiếp tục nuôi cháu Bảo, cháu Z để cho chị E tiếp tục nuôi. Anh không yêu cầu chị E cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn Bùi Thị E trình bày về qua trình kết hôn như anh T đã trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T thường xuyên uống rượu. Nay chị cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T đã hết, không thể đoàn tụ gia đình được, anh T xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Chị và anh T sinh được 02 con chung là G Bảo, sinh ngày 23/9/2016 và Trương Minh Z, sinh ngày 17/5/2018. Cháu Bảo đang ở với anh T, cháu Z đang ở với chị. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi cả 02 con. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa. Đương sự chấp hành đúng nội quy phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh T và chị E được thuận tình ly hôn. Về con chung: Giao cho anh T nuôi cháu Bảo, chị E nuôi cháu Z. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Văn T kết hôn với chị Bùi Thị E trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bảo X, huyện Lục Nam ngày 23 tháng 10 năm 2015 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nẩy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không hiểu, thông cảm, chia sẻ với nhau. Anh T và chị E sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Nay cả anh T và chị E đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ gia đình được nữa và đều nhất trí thuận tình ly hôn nên cần được chấp nhận.

[2]. Về con chung: Anh Trương Văn T, chị Bùi Thị E sinh được 02 con chung là G Bảo, sinh ngày 23/9/2016 và Trương Minh Z, sinh ngày 17/5/2018. Cháu Bảo đang ở với anh T, cháu Z đang ở với chị E. Cả hai cháu đều vẫn phát triển bình thường. Cháu Z chưa đủ 36 tháng tuổi, đồng thời để tránh xáo trộn về tâm sinh lý nên giao cho anh T tiếp tục nuôi cháu Bảo, chị E tiếp tục nuôi cháu

Z là phù hợp. Cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí: Anh Trương Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Trương Văn T và Bùi Thị E.

2. Về con chung: Giao cho anh Trương Văn T nuôi con là G Bảo, sinh ngày 23/9/2016; chị Bùi Thị E nuôi con là Trương Minh Z, sinh ngày 17/5/2018. Anh Trương Văn T, chị Bùi Thị E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Việc thăm nom con không được để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Anh Trương Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0004660 ngày 06 tháng 03 năm 2020, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND cùng cấp;*
- *VKSND tỉnh;*
- *Chi cục THADS cùng cấp;*
- *Ủy ban nhân xã Bảo X;*
- *Lưu hồ sơ, v/p.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huân